

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2018

Số: 1111/QĐ-SKĐAHN

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về công tác đào tạo đại học theo hình thức chính quy của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định 372/CP ngày 17 tháng 12 năm 1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3651/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1743/QĐ-BVHTTDL ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sắp xếp, tổ chức lại các phòng chức năng trực thuộc các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Xét đề nghị của ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác đào tạo đại học theo hình thức chính quy của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội.

Điều 2. Quy định này được áp dụng đối với các khóa đào tạo trình độ đại học bắt đầu từ K38 (tuyển sinh năm 2018). Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng Công tác Học sinh, sinh viên; Phòng Hành chính Tổng hợp; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *Uuuu*

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, NTHH(25).



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Đình Thi

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2018

QUY ĐỊNH

Về công tác đào tạo đại học của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1111/QĐ-SKĐAHN ngày 17 tháng 10 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này hướng dẫn công tác đào tạo đại học chính quy, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét lên lớp, xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên các khoá đào tạo theo hình thức chính quy, trình độ đại học, được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2018 (K38) của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội.

Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) cần thể hiện rõ:

- Trình độ đào tạo;
- Đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp;
- Mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp;
- Khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập;
- Kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế;
- Phương pháp và hình thức đào tạo;
- Cách thức đánh giá kết quả học tập;
- Các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Mỗi chương trình gắn với một ngành hoặc chuyên ngành và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức:

a) Kiến thức giáo dục đại cương: Gồm các môn học / học phần Kiến thức cơ bản; Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng – an ninh.

b) Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: Gồm các môn học / học phần Kiến thức cơ sở ngành; Kiến thức chuyên ngành, chuyên đề, ngoại khóa...

3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ:

- Số ĐVHT (số tín chỉ);
- Điều kiện tiên quyết (nếu có);
- Nội dung lý thuyết và thực hành;
- Cách thức đánh giá học phần;
- Giáo trình, tài liệu tham khảo;
- Điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập.

4. Khối lượng của mỗi chương trình được quy định:

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 210 ĐVHT đối với khoá đại học 4 năm, chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (5 ĐVHT) và Giáo dục quốc phòng – an ninh (165 tiết)

5. Căn cứ vào biên bản nghiệm thu chương trình đào tạo của Hội đồng khoa học và đào tạo của các khoa chuyên môn, trung tâm có tổ chức đào tạo (sau đây gọi tắt là khoa) và Hội đồng khoa học và đào tạo của nhà trường, Hiệu trưởng ra quyết định ban hành chương trình đào tạo của từng ngành hoặc chuyên ngành.

Điều 3. Học phần và đơn vị học trình

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho người học tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 5 đơn vị học trình, được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã riêng do trường quy định.

2. Đơn vị học trình được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên.

Một đơn vị học trình được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; bằng 30-45 tiết thực hành, thí nghiệm hay thảo luận; bằng 45-90 giờ thực tập tại cơ sở; hoặc bằng 45-60 giờ làm tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một đơn vị học trình sinh viên phải dành ít nhất 15 giờ chuẩn bị cá nhân. Một tín chỉ được quy đổi bằng 1,5 ĐVHT.

3. Một tiết học được tính bằng 45 phút.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường được quy định như sau:

- Buổi sáng : Từ 08 giờ 00 đến 12 giờ 00.
- Buổi chiều : Từ 14 giờ 00 đến 18 giờ 00.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 5. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường tổ chức đào tạo theo khóa học và năm học.

a) Khóa học là thời gian để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể, khóa học được quy định như sau:

- Đào tạo trình độ đại học được thực hiện trong thời gian bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; trong thời gian hai năm đến hai năm rưỡi đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng cùng ngành/chuyên ngành đào tạo (hệ liên thông).

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi, kiểm tra.

2. Căn cứ vào khối lượng kiến thức quy định cho các chương trình, số học phần cho từng năm học, từng học kỳ được thể hiện chi tiết trong chương trình đào tạo.

a) Đầu khóa học, trường thông báo công khai về nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình; quy chế đào tạo; nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

b) Đầu mỗi năm học, khoa chuyên môn thông báo lịch trình học của từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần, đề cương chi tiết học phần và điều kiện để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi các học phần.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình bao gồm thời gian quy định cho chương trình quy định tại khoản 1 Điều này cộng với thời gian tối đa sinh viên được phép tạm ngừng học quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy chế này.

Điều 6. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình (hoặc ngành đào tạo)

Sau kỳ thi tuyển sinh, sinh viên trúng tuyển sẽ được trường sắp xếp vào các ngành/chuyên ngành đào tạo đã đăng ký.

Điều 7. Điều kiện để sinh viên được học tiếp, được nghỉ học tạm thời, được tạm ngừng học hoặc bị buộc thôi học

Đầu tháng 8 hàng năm, nhà trường căn cứ vào số học phần (môn học) đã học; điểm trung bình chung học tập (TBCHT) của năm học đã qua và điểm trung bình chung của tất cả các học phần tính từ đầu khoá học của sinh viên, tính điểm cao nhất trong các lần thi học phần và kết quả rèn luyện để xét việc học tiếp, nghỉ học tạm thời, tạm ngừng học để củng cố kiến thức hoặc phải buộc thôi học. Cụ thể như sau:

1. Được học tiếp lên năm học sau

Sinh viên được lên lớp phải có đủ 4 điều kiện sau:

- Có điểm TBCHT của năm học từ 5.00 trở lên.
- Có khối lượng các học phần bị điểm dưới 5.00 tính từ đầu khoá học tới thời điểm xét không quá 25 ĐVHT.

- Đã hoàn thành nghĩa vụ học phí của cả năm học.

- Không bị xếp loại rèn luyện kém trong cả năm.

* Không có đủ 4 điều kiện trên, sinh viên không được học tiếp lên năm học sau.

* Số học phần (môn học) còn bị điểm dưới 5.00, sinh viên phải đăng ký học lại ở các học kỳ tiếp theo theo quy định của việc học lại, thi lại.

2. Không được học tiếp

a) Sinh viên phải tạm ngừng học để có thời gian củng cố kiến thức: Nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Có điểm TBC học tập của năm học nằm trong giới hạn từ 3.50 đến 4.99.

- Có khối lượng các học phần bị điểm dưới 5.0, tính từ đầu khoá học, vượt quá 25 ĐVHT.

- Có điểm TBC học tập của tất cả các học phần tính từ đầu khoá, gọi là điểm trung bình chung tích lũy (ĐTBCTL):

+ Từ 4.00 đến 4.99 sau 2 năm học.

+ Từ 4.50 đến 4.99 sau 3 năm học.

+ Từ 4.80 đến 4.99 sau 4 năm học.

- Chưa hết thời gian tối đa được phép học tại trường để hoàn thành chương trình học.

*) Thời gian ngừng học hay thời gian tối đa được phép học của sinh viên:

- Sinh viên được ngừng học tối đa 2 năm đối với bậc đại học 4 năm.

- Trong thời gian ngừng học, sinh viên phải đăng ký học lại các học phần chưa đạt theo quy định của việc học lại.

- Đối với SV ngừng học, phòng Đào tạo, QLKH và HTQT ra quyết định gửi tới SV và các phòng, khoa, ban liên quan. Trong quyết định ghi rõ tên các học phần SV còn nợ trong từng học kỳ cụ thể để SV biết đăng ký học lại.

- SV chỉ phải nộp lệ phí theo quy định để được học lại các học phần còn nợ cùng với lớp, khoá sau, mà không phải nộp học phí như SV của lớp mới. Chương trình của khoá mới nếu có bổ sung học phần (môn học) nào, thì SV phải đóng lệ phí để được học như đối với học phần còn nợ. Khoa hướng dẫn SV làm đơn xin học lại và nộp tiền tại phòng Tài vụ, sau đó SV sang phòng Đào tạo, QLKH và HTQT để xếp lớp.

- Giáo viên bộ môn chỉ cho phép SV vào học khi đã có xác nhận của phòng ĐT vào đơn xin học lại của SV.

- SV không nộp đủ lệ phí trong thời hạn quy định, Phòng ĐT, QLKH và HTQT không xếp lớp hoặc không công nhận điểm (nếu SV cố tình vào học).

- Kết quả học lại các học phần (hoặc kết quả các học phần học bổ sung) trong thời gian ngừng học và kết quả các học phần được bảo lưu từ năm trước; được khoa quản lý SV và phòng Đào tạo, QLKH và HTQT tập hợp để tính điểm TBCHT cả năm, điểm TB chung tích lũy, xét học tiếp cho SV (xét lên lớp với khoá mới).

- Sau một tháng kể từ khi ra quyết định ngừng học, sinh viên không đến làm thủ tục đăng ký học lại, Nhà trường sẽ ra quyết định buộc thôi học đối với sinh viên đó.

- Nếu sinh viên bị xếp loại rèn luyện kém cả năm, còn bị xử lý ngừng học 1 năm kế sau theo quy định của quy chế rèn luyện học sinh - sinh viên.

b) Sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- Có điểm TBCHT của năm học dưới 3.50 điểm.

- Có điểm TBC của tất cả các học phần tính từ đầu khoá học đến thời điểm xét (ĐTBCTL) nếu sau 2 năm dưới 4.00; nếu sau 3 năm dưới 4.50; nếu sau từ 4 năm trở lên dưới 4.80.

- Đã hết thời gian tối đa được phép học tại trường.

- Bị kỷ luật lần thứ 2 do thi hộ.

- Bị xếp loại rèn luyện kém cả năm lần thứ 2 tính từ đầu khoá học.

* Chậm nhất là 1 tháng sau khi hội đồng có quyết định buộc thôi học, trường phải gửi thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

3. Xin bảo lưu kết quả học tập

a) Sinh viên được quyền xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập các học phần đã đạt trong các trường hợp sau:

- Được động viên vào các lực lượng vũ trang.

- Bị ốm hoặc tai nạn... buộc phải điều trị thời gian dài, có giấy xác nhận của cơ quan y tế cấp quận, huyện hoặc một bệnh viện đa khoa.

- Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương cấp xã, phường hoặc vì nhu cầu cá nhân khác. Trong trường hợp này, sinh viên phải học được ít nhất 1 học kỳ ở trường và điểm TBC tích lũy đến thời điểm xin bảo lưu không dưới 5.00 điểm. Thời gian nghỉ học tạm thời của trường hợp này được tính vào thời gian học chính thức của sinh viên. Nếu quá thời gian được phép học, sinh viên sẽ bị buộc thôi học.

b) Thủ tục xin bảo lưu

- Chỉ giải quyết thủ tục bảo lưu trong hai tuần đầu tiên của học kỳ, sinh viên phải làm đơn có chữ ký của cha, mẹ hoặc người đỡ đầu và các giấy tờ xác nhận có liên quan khác gửi đến Phòng CT HSSV.

- Không có hình thức bảo lưu kết quả tuyển sinh đầu vào.

c) Giải quyết thủ tục tiếp nhận sinh viên vào học lại sau thời gian bảo lưu hoặc ngừng học

- Sau thời hạn xin bảo lưu hoặc ngừng học, sinh viên muốn trở lại học tiếp tại trường phải làm đơn theo mẫu của Phòng CT HSSV và nộp tại Phòng CT HSSV trong thời hạn ít nhất là 1 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới hoặc năm học mới.

- Phòng CT HSSV làm thủ tục quyết định cho sinh viên trở lại học tiếp và chuyển sang Phòng Đào tạo, QLKH và HTQT để bố trí kế hoạch học tập cho sinh viên. Sinh viên được ghép vào học ở khoá, lớp nào, phải học và thi theo chương trình và kế hoạch đào tạo của khoá, lớp đó, nhưng được bảo lưu những học phần đã đạt (nếu có). Sinh viên phải đóng 100% học phí như sinh viên lớp mới.

4. Quy trình xử lý kết quả học tập

- Trung tuần tháng 8 hàng năm các khoa chuyên môn phối hợp với Phòng Đào tạo, QLKH và HTQT tập hợp kết quả thi lại, lên danh sách tổng hợp điểm của sinh viên (theo mẫu). Đối chiếu với quy định này, dự kiến danh sách sinh viên thuộc các diện được học tiếp, ngừng học, buộc thôi học để trình ra Hội đồng xét lên lớp.

- Phòng Đào tạo, QLKH và HTQT lên lịch làm việc của Hội đồng để hội đồng xem xét và quyết định.

- Kết luận cuối cùng của hội đồng về các trường hợp ngừng học, buộc thôi học của sinh viên, Phòng Đào tạo, QLKH và HTQT phải thể hiện bằng các quyết định gửi đến các khoa, phòng, ban liên quan và sinh viên.

Điều 8. Học cùng lúc hai chương trình

a) Sinh viên học cùng lúc hai chương trình là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai tại trường đang học để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

b) Các quy định học cùng lúc hai chương trình:

- Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác với ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất.

- Sinh viên không thuộc diện tạm ngừng học và có điểm trung bình chung học tập cả năm từ 7,00 trở lên.

- Sinh viên phải làm đơn đăng ký dự thi ngành mới, đơn phải được Hiệu trưởng nhà trường duyệt cho phép. Đơn xin đăng ký dự thi được gửi qua khoa, phòng CT HSSV, phòng Đào tạo, QLKH và HTQT, để các đơn vị này xem xét, xác nhận và đồng đề nghị. Thời hạn giải quyết đơn chậm nhất là 1 tuần trước ngày kết thúc thời gian đăng ký dự thi tại trường.

- Nếu sinh viên không trúng tuyển, sinh viên vẫn được theo học ở ngành học cũ. Nếu sinh viên trúng tuyển, sẽ được giải quyết theo các phương án sau:

+ Trường hợp sinh viên mới học hết năm thứ nhất hoặc hết năm thứ hai thì sinh viên phải làm đơn xin thôi học ở ngành cũ.

+ Trường hợp sinh viên đã học hết năm thứ 3, năm thứ 4, hoặc đã học xong chương trình nhưng chưa bảo vệ tốt nghiệp, nếu đủ điều kiện học cùng lúc 2 chương trình sẽ được giải quyết cho học song song.

+ Sinh viên đang học thêm chương trình thứ hai nếu có điểm trung bình chung học tập của năm học đó đạt dưới 6,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở năm học tiếp theo.

+ Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên đăng ký học đồng thời hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

+ Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

+ Đối với sinh viên học đồng thời hai chương trình với thời gian học dài hơn, chế độ học bổng, học phí được thực hiện cho đến khi sinh viên hoàn thành chương trình.

Điều 9. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có ngành đào tạo trùng hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã dự thi tuyển sinh nhưng không trúng tuyển hoặc có điểm thi thấp hơn điểm xét tuyển của trường xin chuyển đến trong trường hợp chung đề thi tuyển sinh;

b) Sinh viên có hộ khẩu thường trú nằm ngoài vùng tuyển của trường xin chuyển đến;

c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

d) Sinh viên đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;

b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận, quyết định việc học tiếp tục của sinh viên như: năm học và số học phần mà sinh viên chuyển đến trường phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

CHƯƠNG III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 10. Đánh giá học phần

1. **Mỗi học phần hoặc môn học bắt buộc phải có 3 điểm thành phần:** Điểm trung bình các điểm kiểm tra (ĐTBKT); Điểm chuyên cần (ĐCC) và điểm thi kết thúc học phần (ĐTHP). Tổng hệ số điểm của mỗi học phần bằng 10. Trong đó, hệ số từng loại điểm thành phần như sau:

a. **Điểm chuyên cần (hệ số 1).** Căn cứ đề cương chi tiết của học phần quy định số buổi sinh viên phải dự lớp và ý thức chấp hành nội quy, kỷ luật học tập trên lớp của sinh viên để đánh giá. Trong đó, số buổi nghỉ học (tính cả nghỉ có phép) là căn cứ bắt buộc. Sinh viên nghỉ học không có lý do ngoài việc bị trừ vào điểm chuyên cần, còn bị xử lý theo quy chế quản lý HS-SV của trường.

1. SV nghỉ học từ 25% số tiết quy định trở lên, điểm chuyên cần = 0. Sinh viên không được dự thi, phải học lại với khoá sau.

2. SV nghỉ học từ dưới 25% đến 20% số tiết: Điểm chuyên cần từ 1÷3 điểm.

3. SV nghỉ học từ dưới 20% đến 15% số tiết: Điểm chuyên cần từ 4÷5 điểm.

4. SV nghỉ học từ dưới 15% đến 10% số tiết: Điểm chuyên cần từ 5÷6 điểm.

5. SV nghỉ học từ dưới 10% đến 5% số tiết: Điểm chuyên cần từ 6÷7 điểm.

6. SV đi học đủ 100% số buổi: Điểm chuyên cần từ 8÷9 điểm.

7. SV đi học đủ 100% số buổi và là tấm gương trong tập thể lớp: Điểm chuyên cần 10 điểm.

Với những SV đi muộn, về sớm, GV có thể quy đổi thành số tiết nghỉ để tính.

Trường hợp sinh viên nghỉ học không vượt quá các tỷ lệ quy định nêu ở các điểm 2,3,4,5,6; nếu vi phạm quy chế học tập trên lớp, bị giảng viên nhắc nhở phê bình từ 2 lần trở lên, điểm chuyên cần bị hạ xuống 1 điểm.

* **ĐCC do giáo viên bộ môn quyết định.** Khi thấy cần thiết, giáo viên bộ môn có thể trao đổi với khoa quản lý SV trước khi cho điểm. ĐCC phải được công khai cho sinh viên biết trước khi tổ chức thi. Sinh viên có quyền khiếu nại với khoa và Phòng Đào tạo về điểm chuyên cần của cá nhân hoặc của lớp.

a. **Điểm trung bình kiểm tra (hệ số 3).** Gồm các điểm kiểm tra thường kỳ, điểm bài tập, thảo luận, tiểu luận; hoặc điểm thực hành (nếu có). Giáo viên bộ môn quyết định về số lần kiểm tra, hình thức, hệ số điểm từng bài kiểm tra và tính thành ĐTBK (làm tròn đến 0.5

điểm). Việc quy định các hình thức kiểm tra, hệ số điểm và cách tính ĐTBKT, giáo viên phải thể hiện trong đề cương chi tiết của học phần và thông báo cho sinh viên biết trước.

c. Điểm thi hết môn/hết học phần (hệ số 6).

Nếu sinh viên nghỉ học quá nhiều, ĐCC = 0; hoặc không dự các bài kiểm tra, ĐTBKT = 0, thì sẽ không được dự thi hết học phần (hết môn học).

Việc tổ chức thi HP như quy định hiện hành. Điểm thi chấm theo thang điểm từ 1 đến 10, không có điểm lẻ.

2. Công thức tính điểm tổng kết môn học (học phần):

$$\frac{\text{ĐCC} + 3 \cdot \text{ĐTBKT} + 6 \cdot \text{ĐTHP}}{10}$$

Việc tính điểm tổng kết học phần do PĐT chịu trách nhiệm và phối hợp với các khoa để thực hiện. Điểm tổng kết học phần được làm tròn đến 0.5 điểm. Việc làm tròn hoàn toàn do máy tính thực hiện tự động (theo nguyên tắc: Phần lẻ từ 0.25 đến 0.74 làm tròn thành 0.5; Phần lẻ từ 0.75 đến 1.24 làm tròn thành 1).

3. Phiếu điểm từng học phần hoặc từng môn học đã được Phòng Đào tạo thiết kế gồm 3 điểm thành phần trên. Giáo viên bộ môn phải cho đầy đủ điểm thành phần vào phiếu điểm trước khi nộp cho khoa và Phòng Đào tạo.

4. Trường hợp giáo viên bộ môn tổ chức cho thi mà không cho đủ điểm thành phần vào phiếu điểm, thì Phòng Đào tạo, QLKH và HTQT sẽ mặc định phiếu điểm đó không hợp lệ. Mọi thắc mắc của SV, giáo viên bộ môn, khoa phải chịu trách nhiệm.

5. Đánh giá các học phần có chuyên gia giảng dạy

a) Nếu một học phần được chuyên gia giảng dạy toàn bộ, thì việc đánh giá áp dụng theo đúng quy định trên (bao gồm cả các điểm thành phần và điểm thi).

b) Nếu chỉ có một phần của học phần do chuyên gia giảng dạy, phần còn lại vẫn do giảng viên trong nước đảm nhiệm, thì việc đánh giá mỗi phần kiến thức của học phần, các giảng viên vẫn phải thực hiện theo đúng quy định này. Điểm thi học phần là điểm trung bình chung các điểm thi do chuyên gia đánh giá với điểm thi do giáo viên trong nước đánh giá (tương ứng với số ĐVHT của học phần đã phân bổ cho các giảng viên thực hiện). Công thức tính:

$$A = \frac{(M^x + N^y)}{x + y}$$

Trong đó:

A: Điểm thi học phần

M: Điểm thi của chuyên gia

x: Số ĐVHT chuyên gia giảng dạy

N: Điểm thi của giảng viên trong nước

y: Số ĐVHT giảng viên trong nước giảng dạy

* Bảng điểm tổng kết môn học (học phần) vẫn gồm 3 đầu điểm, trong đó điểm chuyên cần và điểm kiểm tra do 2 giảng viên tự thống nhất.

6. Đánh giá các học phần có từ 2 giảng viên giảng dạy trở lên

Những môn học có 2 giảng viên tham gia giảng dạy trở lên, việc đánh giá các điểm thành phần được thực hiện theo đúng quy định của nhà trường. Điểm nộp về Phòng Đào tạo, QLKH và HTQT sẽ gồm phiếu chấm điểm thi từng phần của mỗi giảng viên và bảng điểm tổng kết học phần. Bảng điểm tổng kết học phần vẫn gồm 3 đầu điểm và phải có đủ chữ ký của các giảng viên giảng dạy. Trong đó, điểm chuyên cần và điểm kiểm tra do các giảng viên tự thống nhất, điểm thi học phần là điểm trung bình cộng của các giảng viên.

7. Đánh giá các học phần là điều kiện tiên quyết

Đối những học phần có điều kiện tiên quyết, sinh viên không qua học phần trước thì sẽ không được tham gia học phần sau. Khoa chuyên môn có trách nhiệm báo cho sinh viên còn nợ học phần tiên quyết. Những sinh viên nào cố tình vi phạm, nếu có điểm về thi Phòng Đào tạo, QLKH và HTQT sẽ không công nhận điểm đó.

8. Đánh giá học phần với đối tượng sinh viên đã tốt nghiệp một bằng đại học

Đối với sinh viên đã tốt nghiệp một ngành/chuyên ngành tại Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, việc bảo lưu được thực hiện bằng cách chuyển điểm từ ngành/chuyên ngành học trước sang.

Đối với sinh viên tốt nghiệp tại các trường đại học khác: Chỉ được bảo lưu các môn học đã được học trong chương trình đào tạo của ngành học trước, với cùng học chế, cùng hệ, cùng trình độ, cùng nội dung, cùng số tiết trở lên.

Những trường hợp khác phòng Đào tạo, QLKH và HTQT có thể xem xét, thẩm định và trình Ban giám hiệu quyết định.

Sinh viên phải nộp đơn xin miễn học, miễn thi, bản sao công chứng bằng tốt nghiệp, bản sao công chứng bảng điểm về khoa/trung tâm, phòng Đào tạo, QLKH và HTQT thẩm định và trình Ban giám hiệu quyết định.

9. Đánh giá môn học ngoại ngữ, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng

a) Môn học ngoại ngữ

Nếu sinh viên có bằng cử nhân (đào tạo theo hình thức chính quy hoặc vừa làm vừa học) ngành ngôn ngữ Anh thì được miễn học các học phần I, II. Nếu sinh viên có chứng chỉ TOEIC ≥ 400 , TOEFL IBT ≥ 35 , IELTS ≥ 3.5 , hoặc các chứng chỉ quốc tế khác tương

đương còn hiệu lực do các cơ sở đào tạo, các trung tâm, các tổ chức cấp chứng chỉ quốc tế theo phụ lục tại Quy định về tổ chức giảng dạy và đánh giá chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên hệ chính quy của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội tính đến khi kết thúc học phần nào thì được miễn học học phần đó (*riêng học phần III là học phần tiếng Anh chuyên ngành nên SV bắt buộc phải học*).

Sinh viên được miễn học nhưng vẫn phải tham dự các kỳ kiểm tra và kỳ thi của môn học. Bảng điểm tổng kết môn học (học phần) vẫn gồm 3 đầu điểm, trong đó điểm chuyên cần do giảng viên đánh giá bằng việc sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ... của Trung tâm Ngoại ngữ Tin học và của Nhà trường.

b) Môn học Tin học

Nếu sinh viên có bằng cử nhân đào tạo theo hình thức chính quy thuộc nhóm ngành Công nghệ thông tin, chứng chỉ IC³ quốc tế, chứng chỉ ICDL quốc tế, hoặc các chứng chỉ quốc tế khác tương đương còn hiệu lực (tính đến khi kết thúc môn học) do các cơ sở đào tạo, các trung tâm, các tổ chức quốc tế cấp thì sinh viên sẽ được miễn học nhưng vẫn phải dự thi bài điều kiện và thi hết học phần ở trong mỗi học kỳ.

Bảng điểm tổng kết môn học (học phần) vẫn gồm 3 đầu điểm, trong đó điểm chuyên cần do giảng viên đánh giá bằng việc sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ... của Trung tâm Ngoại ngữ Tin học và của Nhà trường.

c) Môn học giáo dục quốc phòng

*) Đối tượng được miễn học môn học GDQP&AN:

- Sinh viên có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do các trường quân đội, công an cấp;
- Sinh viên đã có chứng chỉ GDQP&AN tương ứng với trình độ đào tạo;
- Sinh viên là người nước ngoài.

*) Đối tượng được miễn học, miễn thi học phần, nội dung trong chương trình GDQP&AN, gồm: Sinh viên có giấy xác nhận kết quả học tập các học phần, nội dung đó đạt từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

*) Đối tượng được miễn học các nội dung thực hành kỹ năng quân sự:

- Sinh viên là người khuyết tật, có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật;
- Sinh viên không đủ sức khỏe về thể lực hoặc mắc những bệnh lý thuộc diện miễn làm nghĩa vụ quân sự theo quy định hiện hành;
- Sinh viên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân.

*) Đối tượng được tạm hoãn học môn học GDQP&AN:

- Sinh viên vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị, phải có giấy xác nhận của bệnh viện nơi học sinh, sinh viên điều trị;
- Sinh viên là nữ đang mang thai hoặc trong thời gian nghỉ chế độ thai sản theo quy định hiện hành.

d) Môn học Giáo dục thể chất

*) Đối tượng được miễn học toàn bộ các học phần về Giáo dục thể chất:

- Sinh viên đã hoàn thành các học phần về Giáo dục thể chất phù hợp với trình độ đào tạo.

*) Đối tượng được thay đổi hình thức học các học phần thực hành về Giáo dục thể chất:

- Sinh viên có thương tật, dị tật bẩm sinh làm hạn chế chức năng vận động (có giấy chứng nhận của bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên). Có thể áp dụng thay thế các học phần đặc thù dành cho người khuyết tật.

- Sinh viên bị các bệnh không được vận động mạnh (có giấy chứng nhận của bệnh viện cấp huyện và tương đương).

*) Đối tượng được tạm hoãn học các học phần về Giáo dục thể chất:

- Sinh viên đang học nhưng sức khỏe không đảm bảo;
- Sinh viên nữ đang mang thai, nuôi con nhỏ dưới 24 tháng tuổi.

Các sinh viên được tạm hoãn học các học phần về Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất thì sau khi hết thời hạn tạm hoãn phải tiếp tục học những nội dung còn thiếu trong chương trình quy định.

Sinh viên viết đơn, trình các giấy tờ phù hợp đề nghị Nhà trường miễn học, miễn thực hành hoặc tạm hoãn môn học về phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, khoa Kiến trúc cơ bản trước khi bắt đầu môn học 1 tuần. Kể từ ngày bắt đầu học, HS-SV nào không nộp đơn coi như không được miễn, tạm hoãn học phần.

10. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

a) Trường hợp SV thi hộ hoặc nhờ người thi hộ. Vi phạm lần 1, sinh viên bị đình chỉ học tập 1 năm; vi phạm lần 2, sinh viên bị buộc thôi học.

b) Các giảng viên được phân công coi thi tại lớp phải thực hiện nghiêm túc quy chế, kịp thời phát hiện các trường hợp thi hộ để xử lý.

c) Các môn học có hình thức thi đặc thù, sinh viên không thực hiện bài thi ở trên lớp như: Tiểu luận phê bình, kịch bản điện ảnh hoặc sân khấu, phim, ảnh, tranh vẽ... Các giảng viên chấm thi phải đặc biệt chú ý phát hiện các trường hợp sinh viên làm bài hộ nhau, copy của nhau hoặc sao chép, đánh cắp ý tưởng sáng tạo của người khác từ nhiều nguồn khác nhau để biến tấu thành của mình.

d) Nếu có đủ căn cứ kết luận sinh viên có hiện tượng sao chép, bài thi của sinh viên phải bị xem là vi phạm và vận dụng quy chế để xử lý:

- Vi phạm lần thứ nhất: Giáo viên tự quyết định hình thức xử lý đối với sinh viên:

+ Nếu giống nhau dưới 50%: Cảnh cáo, trừ 50% điểm bài thi.

+ Nếu giống nhau trên 50%: Cho điểm 0 bài thi.

- Vi phạm lần thứ hai: Giảng viên lập biên bản gửi về Phòng Đào tạo và thông báo cho khoa biết, để xử lý như đối với thi hộ lần thứ nhất: Đình chỉ học tập 1 năm.

Điều 11. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có điểm học phần dưới 5 sau kỳ thi chính. Kỳ thi phụ được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số đơn vị học trình của học phần đó và được tính ít nhất nửa ngày cho mỗi đơn vị học trình. Thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các môn học giảng viên phải thể hiện cụ thể trong đề cương môn học.

Điều 12. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hình thức thi thể hiện trong đề cương và chương trình đào tạo.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm. Điểm thi phải được công bố chậm nhất sau một tuần, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp phải công bố công khai ngay sau mỗi buổi thi khi hai giảng viên chấm thi thống nhất được điểm chấm. Trong trường hợp không thống nhất được điểm chấm, các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định điểm chấm.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần nếu không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này chỉ còn quyền dự thi một lần ở kỳ thi phụ sau đó.

6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính nếu được giảng viên bộ môn, trưởng khoa chuyên môn cho phép và được sự chấp thuận của trưởng phòng Đào tạo, QLKH và HTQT, được dự thi ở kỳ thi phụ sau đó và được tính là thi lần đầu.

Những sinh viên này chỉ được dự thi lần thứ hai (nếu có) tại các kỳ thi kết thúc học phần tổ chức cho sinh viên các khóa học dưới hoặc trong học kỳ hè.

7. Trong trường hợp cả hai kỳ thi chính và phụ mà điểm học phần vẫn dưới 5 thì sinh viên phải đăng ký học lại học phần này với số lần được dự thi theo quy định như đối với một học phần mới.

8. Các điểm thi kết thúc học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của hai giảng viên chấm thi và làm thành 3 bản. Phiếu chấm điểm thi và phiếu tổng kết học phần phải được lưu bản photo tại bộ môn, văn phòng khoa và gửi bản chính về phòng Đào tạo, QLKH và HTQT của trường chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

9. Các khoa chuyên môn lưu trữ đề thi, bài thi cho đến khi kết thúc khóa học.

Điều 13. Cách tính điểm trung bình chung và xếp loại kết quả học tập

1. Điểm trung bình chung học tập:

a) Công thức tính điểm trung bình chung học tập như sau:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^N a_i n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học tập hoặc điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khóa học

a_i điểm của học phần thứ i

n_i là số đơn vị học trình của học phần thứ i

N là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học tập của mỗi học kỳ, mỗi năm học, mỗi khóa học và điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khóa học được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

b) Kết quả các học phần giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất và kết quả kỳ thi tốt nghiệp đối với các môn khoa học Mác- Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, chuẩn đầu ra ngoại ngữ, chuyên đề, ngoại khóa, thực tập tốt nghiệp không tính vào điểm trung bình chung học tập của học kỳ, năm học hay khóa học.

Việc đánh giá kết quả và điều kiện cấp chứng chỉ đối với các học phần này theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Các điểm trung bình chung học tập để xét thôi học, ngừng tiến độ học, được học tiếp, để xét tốt nghiệp và điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khóa học được tính theo điểm cao nhất trong các lần thi.

2. Xếp loại kết quả học tập: Thang điểm 10 được tính cho điểm tổng kết học phần, điểm thi tốt nghiệp và điểm chữ (A, B, C, D, F), thang điểm 4 quy đổi tương ứng (nếu cần).

Xếp loại	Thang điểm 10 (điểm thành phần)	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Giỏi	Từ 8.0 đến 10	A	4
Khá	Từ 7.0 đến 7.9	B	3
Trung bình khá	Từ 5.5 đến 6.9	C	2
Trung bình	Từ 4 đến 5.4	D	1
Kém	Dưới 4	F	0

a) Loại đạt:

- Từ 9 đến 10: Xuất sắc
- Từ 8 đến cận 9: Giỏi
- Từ 7 đến cận 8: Khá
- Từ 6 đến cận 7: Trung bình khá
- Từ 5 đến cận 6: Trung bình

b) Loại không đạt:

- Từ 4 đến cận 5: Yếu
- Dưới 4: Kém

CHƯƠNG IV

THI TỐT NGHIỆP VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 14. Thực tập tốt nghiệp, làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp

1. Năm học cuối khóa, các sinh viên được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và thi tốt nghiệp các môn khoa học Mác- Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, chuẩn đầu ra ngoại ngữ được quy định như sau:

- Làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp áp dụng cho sinh viên đại học đạt mức quy định của trường. Đồ án, khóa luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng 10 ĐVHT.

- Thi tốt nghiệp các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh áp dụng cho tất cả sinh viên chính quy hệ cao đẳng, đại học, liên thông từ TC, CĐ lên ĐH, văn bằng 2 chính quy.

- Thi đánh giá chuẩn đầu ra ngoại ngữ áp dụng cho tất cả sinh viên chính quy hệ cao đẳng, đại học, liên thông từ TC, CĐ lên ĐH, văn bằng 2 chính quy.

2. Các điều kiện để sinh viên được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; Hình thức và thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, điều kiện được bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp; Nội dung các học phần thi, hình thức ôn tập và thi, hình thức chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn và trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp và ôn thi tốt nghiệp được thể hiện chi tiết trong chương trình đào tạo.

3. Năm học cuối khóa, nếu sinh viên đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì không được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp.

Điều 15. Chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp và chấm thi tốt nghiệp

1. Hiệu trưởng quyết định thành lập các hội đồng chấm đồ án, khóa luận, phim, vở diễn, kịch bản tốt nghiệp....Số thành viên của mỗi hội đồng là 3, hoặc 5, hoặc 7, trong đó có chủ tịch và các ủy viên, giảng viên chủ nhiệm không được là chủ tịch hội đồng. Thành viên của hội đồng là giảng viên chuyên môn của trường hoặc có thể mời thêm những người có chuyên môn phù hợp ở ngoài trường. Thư ký là người giúp việc cho hội đồng, không tham gia vào quá trình chấm thi tốt nghiệp.

Hiệu trưởng quyết định số lượng thành viên chấm thi tốt nghiệp các môn khoa học Mác- Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đánh giá chuẩn đầu ra ngoại ngữ tùy theo số lượng sinh viên thực tế.

2. Sau khi sinh viên trình bày nội dung và trả lời những câu hỏi, các thành viên của Hội đồng chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho điểm theo phiếu.

Điểm của các thành viên trong hội đồng được làm tròn đến 0.5 điểm (theo nguyên tắc: Phần lẻ từ 0.25 đến 0.74 làm tròn thành 0.5; Phần lẻ từ 0.75 đến 1.24 làm tròn thành 1).

Điểm của các thành viên hội đồng không được lệch nhau quá 01 điểm.

Điểm đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm của từng thành viên hội đồng được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

Ví dụ: - Điểm của các thành viên hội đồng là: 7.5 – 7.5 – 8

- Điểm tốt nghiệp của sinh viên: $(7.5 + 7.5 + 8)/3 = 7.666666$ (làm tròn là 7,67)

3. Thi tốt nghiệp các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh: Thời gian thi viết tối đa là 180 phút.

Thi đánh giá chuẩn đầu ra ngoại ngữ thi theo 4 kỹ năng (*nghe, nói, đọc, viết*).

Việc ra đề thi, tổ chức thi, coi thi, chấm thi theo hình thức thi viết hoặc thi vấn đáp theo quy định.

4. Kết quả chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp phải được công bố sau mỗi buổi bảo vệ, mỗi buổi thi. Kết quả thi viết được công bố chậm nhất là 10 ngày sau khi thi.

Điểm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung học tập của toàn khóa học.

Sinh viên bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp, thi tốt nghiệp các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, chuẩn đầu ra ngoại ngữ nếu có điểm dưới 5, được nhà trường tổ chức cho bảo vệ hoặc thi lại trong thời gian từ 3 đến 6 tháng sau khi trường công bố kết quả. Nội dung thi, hình thức thi, ra đề thi, tổ chức thi, chấm thi, tổ chức bảo vệ đồ án hay khóa luận, xét và đề nghị công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên này được thực hiện như ở kỳ bảo vệ chính hoặc kỳ thi chính do Hiệu trưởng quy định.

Điều 16. Thực tập cuối khóa, đi làm phim, biểu diễn ngoài kế hoạch thực tập của trường

1. Thực tập cuối khóa: Các quy định về nội dung, hình thức thực tập cuối khóa, hình thức bảo vệ, chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, thể hiện chi tiết trong chương trình đào tạo của trường.

2. Đi làm phim, biểu diễn ngoài kế hoạch thực tập của trường

- Với trường hợp cá nhân: Khi có giấy mời (hoặc công văn đề nghị) của một đơn vị nghệ thuật nào mời đích danh SV, nếu tự nguyện tham gia, thì SV phải làm đơn xin nghỉ học. Đơn phải có ý kiến của giảng viên nghiệp vụ chuyên môn, chủ nhiệm lớp, trưởng khoa xác nhận kèm công văn đề nghị, gửi tới phòng Đào tạo, QLKH và HTQT, phòng CT HSSV, Ban Giám hiệu. Trong đơn, SV phải ghi rõ thời gian xin nghỉ học để tham gia. Đồng thời

phải cam đoan chấp hành đúng Quy chế đào tạo và các quy định của Nhà trường về quản lý giảng dạy - học tập.

- Với trường hợp nhóm SV hoặc cả tập thể lớp: Nhóm SV được mời phải cử một trưởng nhóm thay mặt nhóm (lớp) làm đơn và cam đoan. Đơn phải có chữ ký của tất cả các thành viên trong nhóm tham gia (nếu cả lớp thì phải có chữ ký của lớp trưởng, bí thư Ban chấp hành chi đoàn) đơn cũng phải có xác nhận của Chủ nhiệm lớp, Chủ nhiệm khoa kèm công văn đề nghị, gửi tới Ban Giám hiệu, như quy định trên.

c) Biện pháp quản lý:

* Trường hợp là cá nhân hoặc một nhóm SV:

- Nếu SV nghỉ học quá thời gian được Nhà trường cho phép đi biểu diễn, thì thời gian nghỉ quá đó bị coi là nghỉ học không phép và SV phải chịu các biện pháp xử lý theo quy chế công tác QLHSSV hiện hành.

- Nếu không đảm bảo thời gian lên lớp của môn học nào, SV sẽ không được giáo viên bộ môn cho thi theo quy chế. SV phải đóng lệ phí để học lại, thi lại theo quy định. Nếu không đủ điều kiện xét lên lớp, SV phải học lại với khóa sau.

* Trường hợp là tập thể lớp (áp dụng cả đối với trường hợp lớp được phép đi tham quan, dự hội diễn...)

- Các môn học ghép với lớp khác, có lớp SV đi biểu diễn là thành viên, vẫn thực hiện bình thường để đảm bảo tiến độ. SV của lớp đi biểu diễn phải đăng ký với phòng Đào tạo học bổ sung tiết học còn thiếu và phải trả thù lao cho giảng viên bộ môn.

- Các môn học riêng, lớp SV đi biểu diễn được Khoa và Phòng Đào tạo bố trí học bù vào một thời gian thích hợp.

Điều 17. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình, không còn học phần bị điểm dưới 5;

c) Được xếp loại đạt ở kỳ thi tốt nghiệp các môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá chuẩn đầu ra ngoại ngữ;

d) Được xếp loại đạt môn giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.

2. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ các điều kiện theo quy định.

Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, trưởng phòng Đào tạo, QLKH và HTQT làm thư ký và có các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn và các thành viên khác do Hiệu trưởng quy định.

Điều 18. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính.

Bằng chỉ được cấp cho sinh viên khi đã ghi đầy đủ, chính xác các nội dung trên tấm bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Xếp hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung học tập của toàn khóa học quy định tại khoản 2 Điều 13 của Quy chế này.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu vi phạm vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số đơn vị học trình quy định cho toàn khóa học;

b) Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo trở lên.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm của sinh viên theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành, hướng chuyên sâu hoặc ngành phụ nếu có.

4. Những sinh viên đã hoàn thành chương trình đào tạo nhưng chưa hoàn thành đồ án, khóa luận tốt nghiệp nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 1 năm tính từ ngày hết thời gian tối đa được phép học, được trở về trường để tham gia bảo vệ tốt nghiệp cùng các khóa dưới.

5. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường.

CHƯƠNG V
XỬ LÝ KỶ LUẬT SINH VIÊN

Điều 19. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp, bảo vệ đồ án, khóa luận (sau đây gọi tắt là thi, kiểm tra) nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 1 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

CHƯƠNG VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Ban Giám hiệu trực tiếp chỉ đạo; Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế là đơn vị chủ trì, phối hợp với các khoa chuyên môn và các phòng, ban liên quan triển khai đào tạo theo quy chế.

2. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế có trách nhiệm định kỳ tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện; thường xuyên báo cáo, đề xuất với Ban Giám hiệu về việc bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, các quy định về đào tạo cho phù hợp với điều kiện thực tế của trường.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Đình Thi